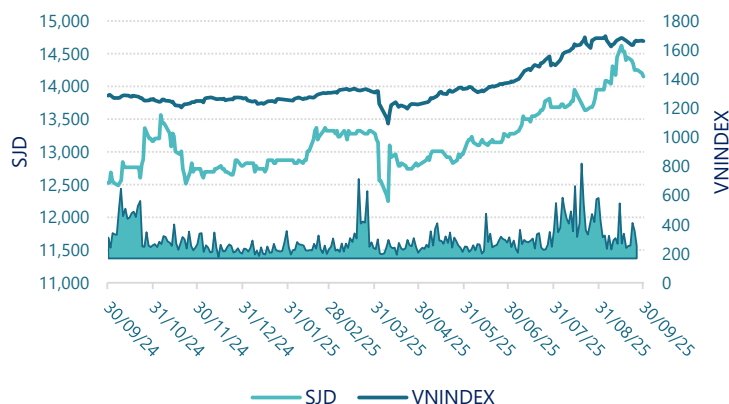


CTCP Thủy Điện Cần Đơn (HSX: SJD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,624
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,247
SL cổ phiếu LH	68,998,620
KLGD BQ 20 phiên (CP)	293,130
% sở hữu nước ngoài	7.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	976
P/E	15.8
EPS	894

DT thuần

Q3/25

186

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 87.0 | 88.2%

YoY: ▲ 6.00 | 3.5%

LN sau thuế

Q3/25

106

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 69.2 | 189%

YoY: ▲ 17.6 | 20.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

71.8%

+/- YoY: ▲ 9.3%

DT thuần

9T 2025

340

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.0 | 4.1%

LN sau thuế

9T 2025

154

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.0 | 18.9%

ROE

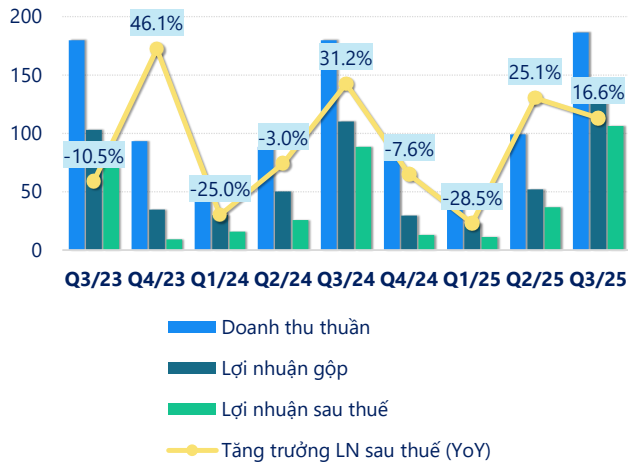
Q3/25

6.0%

+/- YoY: ▼ 7.8%

tỷ VNĐ

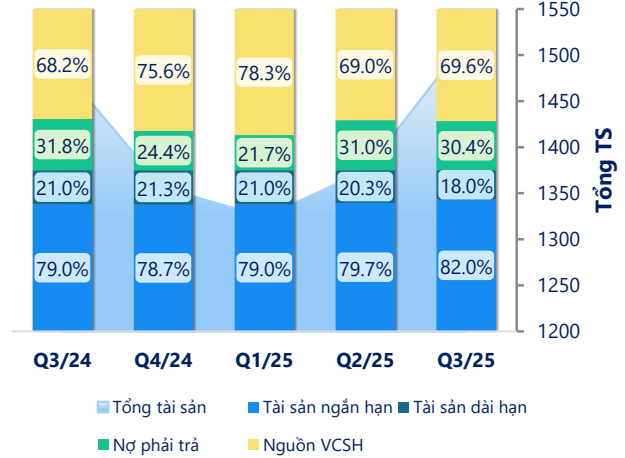
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

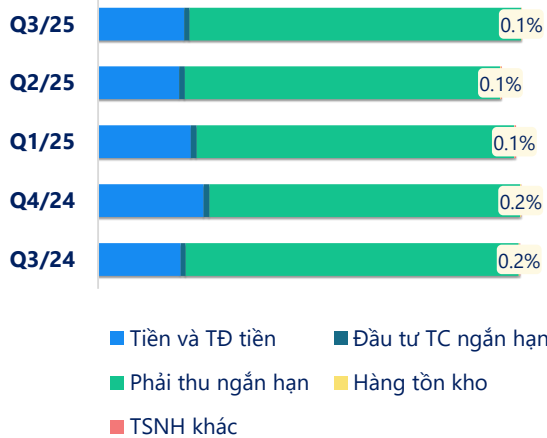
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



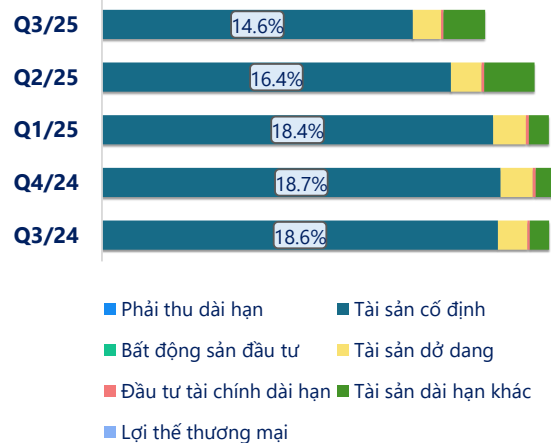
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

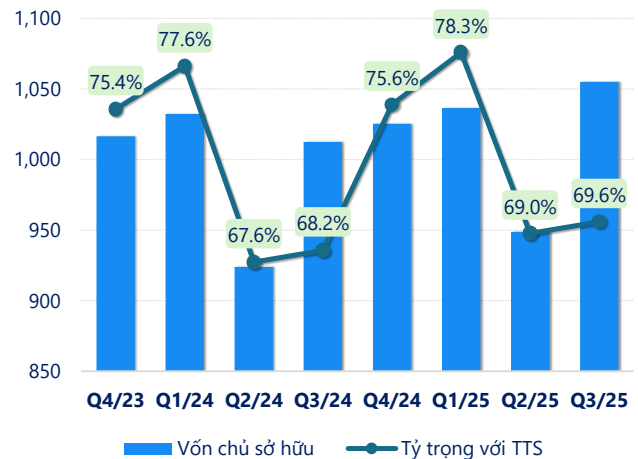
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

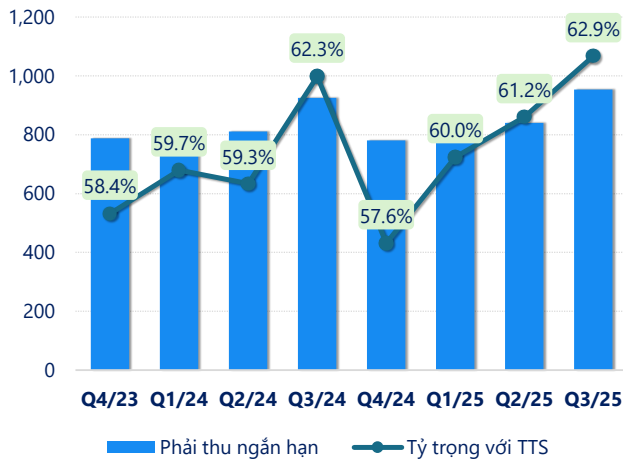
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



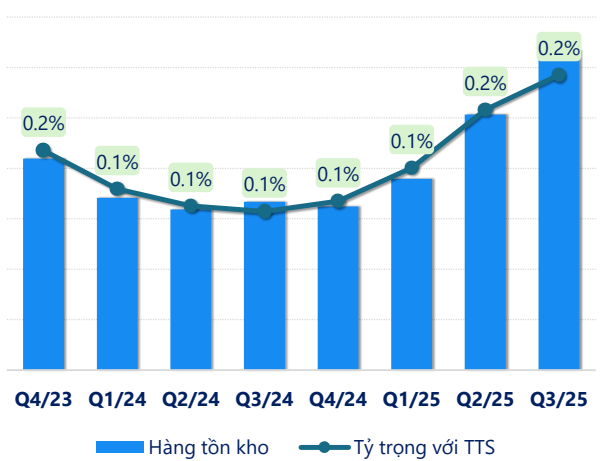
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


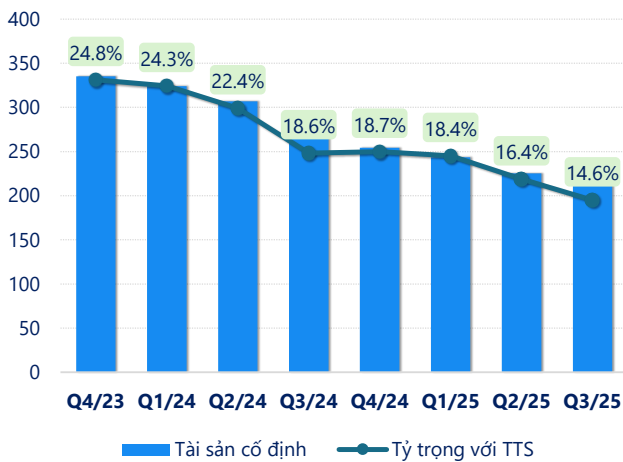
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


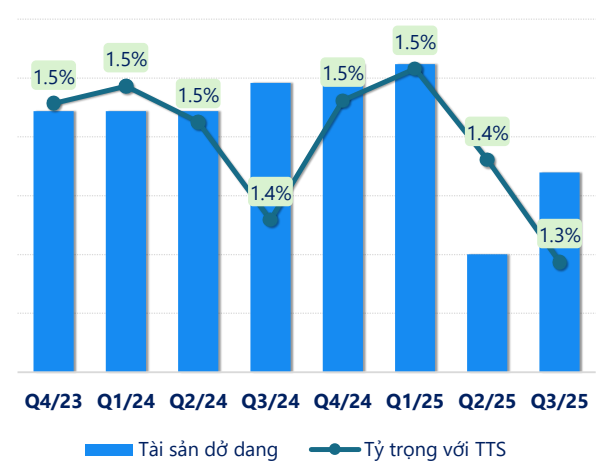
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

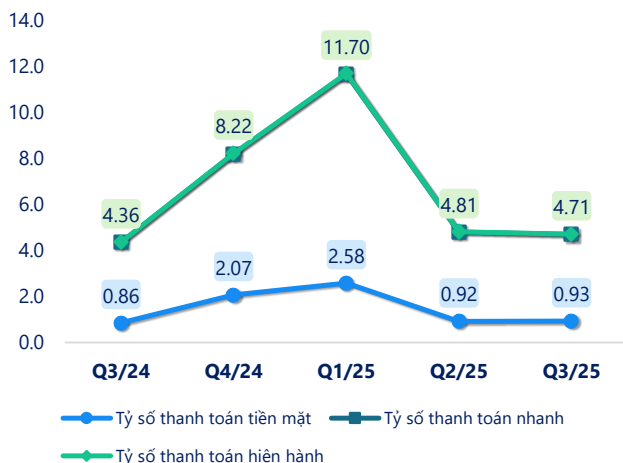
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

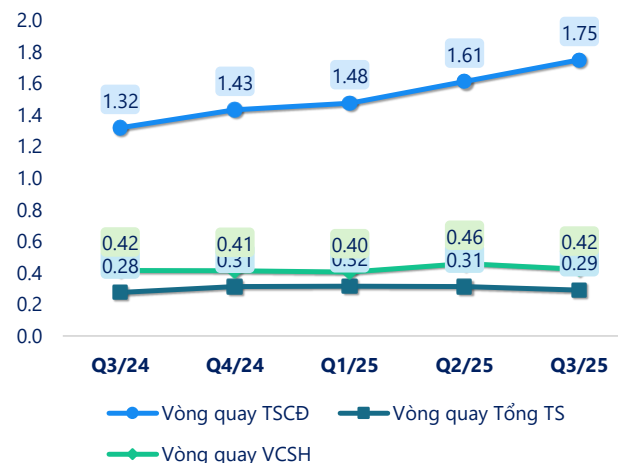
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,485	1,356	1,324	1,374	1,515
Tài sản ngắn hạn	1,173	1,067	1,046	1,095	1,242
Tiền và tương đương tiền	231	269	231	209	246
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.0	15.0	15.0	40.0	40.0
Phải thu ngắn hạn	925	781	795	841	953
Hàng tồn kho	1.67	1.62	1.90	2.53	3.17
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.37	3.03	2.09	0.31
Tài sản dài hạn	312	289	278	280	273
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	277	254	244	225	222
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	20.4	20.4	20.4	19.8	20.1
Đầu tư tài chính dài hạn	1.84	1.84	1.84	1.84	1.84
Tài sản dài hạn khác	13.3	12.2	12.5	32.5	29.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	473	331	288	426	460
Nợ ngắn hạn	269	130	89.4	228	264
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.3	11.2	10.8	11.2	11.7
Phải trả người bán ngắn hạn	50.0	52.4	49.5	50.2	47.1
Nợ dài hạn	204	201	198	198	197
Vay và nợ thuê dài hạn	200	197	194	194	192
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,012	1,025	1,037	949	1,055
Vốn chủ sở hữu	1,012	1,025	1,037	949	1,055
Vốn điều lệ	690	690	690	690	690
Kinh phí và quỹ khác	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03

(Nguồn: fireant.vn)